

TT	SRĐ	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh		Ghi chú
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)	(16)
1		TRẦN BẢO LAM	CHẤU	Nữ	13/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
2		NGUYỄN TRẦN NHẬT	HA	Nữ	26/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
3		NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	07/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
4		NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	Nam	02/12/2014	Bình Định	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
5	601164	TRẦN PHÚC ANH	KHÔI	Nam	15/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Chu Văn An	601	v	10	THCS NTMK
6		TRẦN NGỌC	LINH	Nữ	30/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Lợi 2	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
7		NGUYỄN NHÃ	THY	Nữ	02/06/2014	Lâm Đồng	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
8		HOÀNG NGỌC HẢI	YÊN	Nữ	15/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một	x		Flyers 15 kiến	THCS Phú Cường			10.00	THCS NTMK
9	610113	HỒ TUYỀN	LÂM	Nữ	27/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 13 kiến	THCS Phú Cường	610	8.70	9.70	THCS NTMK
10	610134	NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	Nữ	02/01/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	8.60	9.60	THCS NTMK
11	610252	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	XUÂN	Nữ	03/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	8.50	9.50	THCS NTMK
12	610163	ĐÀM NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Nữ	28/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	8.10	9.10	THCS NTMK
13	601252	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	Nữ	23/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Chu Văn An	601	8	9	THCS NTMK
14	610018	NGUYỄN TRẦN TRÂM	ANH	Nữ	11/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 13 kiến	THCS Phú Cường	610	7.90	8.90	THCS NTMK
15	601033	NGUYỄN THÁI VÂN	ANH	Nữ	19/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	8.7	8.7	THCS NTMK
16	610043	LÊ QUANG MINH	ĐĂNG	Nam	04/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 2	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.70	8.70	THCS NTMK
17	610005	NGUYỄN HOÀNG LINH	AN	Nữ	21/06/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một		1	Flyers 13 kiến	THCS Phú Cường	610	7.60	8.60	THCS NTMK
18	610090	TRẦN DUY MINH	KHANG	Nam	23/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	8.60	8.60	THCS NTMK
19	601195	CHẤU NHẬT	MINH	Nam	17/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	8.5	8.5	THCS NTMK
20	610138	TẠ KIM	NGÂN	Nữ	09/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.40	8.40	THCS NTMK
21	610013	HUỶNH MINH	ANH	Nữ	09/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.30	8.30	THCS NTMK
22	610057	NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	27/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	8.30	8.30	THCS NTMK
23	610082	HOÀNG NHẬT	HUY	Nam	24/06/2014	Đắk Lắk	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	8.20	8.20	THCS NTMK
24	610120	VƯƠNG ĐÌNH HỒNG	LINH	Nữ	12/12/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.20	8.20	THCS NTMK
25	601287	NGUYỄN HUỶNH Ý	PHƯƠNG	Nữ	05/09/2014	Bình Dương	TH Phú Lợi	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	8.2	8.2	THCS NTMK
26	610214	VƯƠNG HY	THUẬN	Nữ	10/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.20	8.20	THCS NTMK
27	610026	BÙI NHẬT GIA	BẢO	Nam	07/08/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Phú Cường	610	7.10	8.10	THCS NTMK
28	601170	NGUYỄN NGỌC	LAN	Nữ	04/03/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 kiến	THCS Chu Văn An	601	7	8	THCS NTMK

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh		Ghi chú
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm	
29	601283	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	Nam	20/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 khiến	THCS Chu Văn An	601	6.9	7.9	THCS NTMK
30	610186	ĐOÀN KHÔI	QUANG	Nam	18/08/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một		1	Flyers 14 khiến	THCS Phú Cường	610	6.90	7.90	THCS NTMK
31	601340	NGUYỄN NGỌC ANH	THU	Nữ	11/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	7.9	7.9	THCS NTMK
32	610070	LÝ NGỌC PHƯƠNG	HỒNG	Nữ	10/01/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	7.80	7.80	THCS NTMK
33	610015	LÊ PHẠM LAN	ANH	Nữ	27/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	7.70	7.70	THCS NTMK
34	610072	NGUYỄN TẤT	HUẤN	Nam	10/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	7.70	7.70	THCS NTMK
35	610161	TRINH PHÚC	NHÂN	Nam	16/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	7.70	7.70	THCS NTMK
36	601139	LÊ NGUYỄN BẢO	KHANG	Nam	24/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	7.6	7.6	THCS NTMK
37	601193	NGUYỄN HƯƠNG	MAI	Nữ	19/09/2013	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	7.6	7.6	THCS NTMK
38	610178	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	Nam	23/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				THCS Phú Cường	610	7.60	7.60	THCS NTMK
39	610053	TRẦN TUẤN	HẢI	Nam	04/02/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một		1	Flyers 13 khiến	THCS Phú Cường	610	6.50	7.50	THCS NTMK
40	601227	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	NGHI	Nữ	22/10/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	7.5	7.5	THCS NTMK
41	601349	NGUYỄN HÀ	TRANG	Nữ	11/11/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				THCS Chu Văn An	601	7.5	7.5	THCS NTMK